| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1049/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2019.
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Bé

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*** Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1003/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Nhật H, sinh năm: 1999; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 17 tháng 5 năm 2019 cùng các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lương Thị Nhật H trình bày bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung từ năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Trung An, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 ngày 16/8/2017. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc.

Đến cuối năm 2018, mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập bà một cách vô cớ, đồng thời ông T không còn chung thủy với bà nữa, thường hay đưa đón người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên tranh cải, bất hòa từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, căng thẳng liên tục, mệt mỏi đến mức không muốn đoàn tụ vợ chồng. Bà nhận thấy bà và ông T không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xác định trong quá trình sống chung bà và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Kim T, sinh ngày: 24/02/2017, hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2019 cùng các biên bản hòa giải, bị đơn ông Huỳnh Văn T xác định ông và bà Lương Thị Nhật H tự nguyện sống chung từ năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 ngày 16/8/2017. Sau khi kết hôn, ông cùng bà H về ở chung với gia đình bà H. Ông thừa nhận có đánh bà H nhưng vì bà H gây áp lực cho ông về kinh tế, khi ông buôn bán về mệt mà bà H thách thức nên xảy ra tranh cãi và xô xát nhau. Ông cũng thừa nhận ông và bà H không còn sống chung từ đầu năm 2019. Ông xác định vẫn còn thương bà H nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về nuôi con chung: Ông xác định trong quá trình sống chung, ông và bà H có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Kim T, sinh ngày: 24/02/2017, hiện bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý để trẻ Kim T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa cho ly hôn.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 17 tháng 5 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn T có nơi cư trú tại xã Thuyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Bà Lương Thị Nhật H và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số: 66/2017 ngày 16/8/2017, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ cuối năm 2018, đồng thời bà H và ông T thừa nhận không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay. Theo các đương sự trình bày, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không thống nhất nhau về vấn đề tiền bạc trong gia đình, gây áp lực cho nhau và thách thức nhau, nên ông T có đánh

bà H. Bà H còn nghi ngờ ông T không chung thủy, dẫn đến hai bên không sống chung với nhau.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có xảy ra, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày những bất đồng nhau trong cuộc sống vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử xác định các bên không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày các đương sự tại tòa thể hiện các đương sự vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng.

Từ phân tích trên, xét thấy đời sống chung của bà H và ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và căn cứ trích lục khai sinh số: 535/TLKS-BS ngày 12/9/2017 của Uỷ ban nhân dân xã Trung An xác định bà Lương Thị Nhật H và ông Huỳnh Văn T có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Kim T, sinh ngày: 24/02/2017. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thừa nhận hiện trẻ Kim T đang sống chung với bà H, ông T đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời trẻ Kim T, sinh ngày: 24/02/2017 là còn nhỏ. Để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, tiếp tục giao trẻ Kim T cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, phù hợp với quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

Xét về chia tài sản chung, về nghĩa vụ dân sự chung, các đương sự xác định không có.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lương Thị Nhật H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Lương Thị Nhật H và ông Huỳnh Văn T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 66/2017 ngày 16/8/2017 do Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nhật Kim T, sinh ngày: 24/02/2017 cho bà Lương Thị Nhật H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Lương Thị Nhật H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0022453 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung An, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thơ**